TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2019/DS-PT Ngày: 28/6/2019 *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**NHÂN DANH** NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà; bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trong năm 2015, bà Nguyễn Thị T cho anh Nguyễn Đình Q vay tiền 4 lần, cụ thể: Ngày 18/8/2015 cho vay 33.000.000đ; Ngày 22/8/2018 cho vay 37.000.000đ; Ngày 25/8/2018 cho vay 50.000đ; ngày 28/8/2015 cho vay 20.000.000đ, tổng cộng bà T đã cho anh Q vay số tiền là 140.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận, khi nào bà T cần thì báo trước một tháng thì anh Q trả. Đến tháng 02/2016, bà T cần tiền để lo con trai bị tai nạn phải nằm bệnh viện, nên bà T đã hỏi nhiều lần nhưng anh Q cứ hẹn lần này đến lần

khác. Sau đó anh Q hẹn, anh Q sẽ lấy nợ người ở huyện T, tỉnh Nghệ An về trả cho bà T, nhưng chờ mãi anh Q không trả tiền cho bà. Tuy nhiên, trước đó, bà T đã nhận được 8.000.000đ do anh Q trả. Nay bà T yêu cầu anh Nguyễn Đình Q trả cho bà tổng số tiền còn lại là 132.000.000đ (một trăm, ba mươi hai triệu đồng) và tiền lãi suất theo ngân hàng từ ngày 21/12/2015 cho đến nay.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày: Anh Q có vay tiền của bà T nhiều lần với tổng số tiền 135.000.000đ, nhưng anh Q vay của chị Thái và cho người khác vay lại và những người đó đã trả cho chị T. Cụ thể, tại giấy vay tiền ngày 21/12/2015 (mẫu 1): mặt sau của giấy vay tiền có nội dung do anh Q viết là: "Tổng 65.000.000đ là tiền tôi vay của chị T trong năm 2015 để cho anh Tr ở thôn 1, xã K vay 10.000.000đ; chị S thôn 6, xã K vay 20.000.000đ; anh Đ ở thôn 1, xã L vay 30.000.000đ; còn 5.000.000đ tôi đang giữ. Trong số tiền tôi lấy từ chị T cho anh Tr, chị S và anh Đ vay thì anh Đ đã trả cho chị T 30.000.000đ (số tiền này anh Đông đưa cho anh B (con trai chị T) nhận và đưa về cho chị T; chị S đã trả 3.000.000đ cho chị T. Số còn lại những người vay đang nợ. Ngày 30/01/2016 (DL lấy từ chị T 50.000.000đ để tôi cho anh T1 ở xã T4 vay 50.000.000đ, khoảng một tháng sau anh T1 đã trả cho chị T hết; Ngày 23/12/2015 (AL) tôi lấy tại chị T 20.000.000đ để cho anh H ở xã K vay 20.000.000đ, khoảng hơn một năm sau anh H đã trả cho chị T hết". Hiện tại anh Q chỉ còn nợ bà T số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), anh Q sẽ có trách nhiệm lấy lại những người vay để trả cho bà T. Nay bà T yêu cầu anh trả số tiền 132.000.000đ và tiền lãi suất anh không chấp nhận.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn đã quyết định:

Áp dụng các Điều 274, 280, 463, 466, 469; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 132.000.000đ (một trăm, ba mươi hai nghìn đồng) và số tiền lãi suất 42.144.080đ (bốn mươi hai triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 174.144.080đ (một trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 anh Nguyễn Đình Q kháng cáo, với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, vì thực chất số tiền anh vay của bà T là do anh đứng ra vay

hộ cho những người khác. Trong số những người anh đứng ra vay hộ có người đã trả hết cho bà T. Đề nghị Tòa phúc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Đình Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn, bị đơn và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa về lãi suất chỉ tính từ khi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Q thấy rằng: Trong năm 2015 anh Q có vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền 140.000.000đ (một trăm, bốn mươi triệu đồng), khi vay mượn cả 2 bên cũng đã ký vào giấy vay. Việc vay mượn tiền này là nhằm mục đích anh Q lấy vốn cho người khác vay lại.

Theo bà T khai: Anh Q làm nghề cho vay nên vay tiền từ bà để cho người khác vay. Bà T cũng thừa nhận, anh Thái đã trả cho bà 8.000.000đ (tám triệu đồng). Nên số tiền còn lại anh Q còn nợ bà T là 132.000.000đ (một trăm, ba mươi hai triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q khai: Thực chất các khoản tiền anh Q vay từ bà T tổng cộng với số tiền 140.000.000đ, không phải anh vay bà T mà do anh là bạn với con trai của bà T, anh muốn giúp đỡ mẹ con bà T, nên lấy tiền từ bà T cho người khác vay để bà T hưởng lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 72) anh Q thừa nhận anh vay bà T 140 triệu đồng, phù hợp giấy cho mượn tiền lập ngày 21/12/2015 và ngày 24/01/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, anh Q thừa nhận chữ ký trong 02 giấy vay tiền trên đây đúng là của anh.

Vì vậy, có cơ sở khẳng định trong năm 2015, anh Nguyễn Đình Q đã nhận từ bà Nguyễn Thị T nhiều lần tiền, tổng cộng là 140.000.000đ (một trăm, bốn mươi triệu đồng). Anh Q đã trả cho bà T 8.000.000đ. Nay anh Q còn nợ bà T tổng số tiền gốc 132.000.000đ.

Trong số tiền này anh Q khai: "Anh Q đã cho anh Trung ở thôn 1, xã Khai Sơn vay 10.000.000đ; chị Sáng Quân thôn 6, xã Khai Sơn vay 20.000.000đ; anh Đông ở thôn 1, xã Lạng Sơn vay 30.000.000đ; Anh Tuấn vay 50.000.000đ, anh Hoàng vay

20.000.000đ, còn 5.000.000đ an Quyền đang giữ. Tuy nhiên, anh Đông đã trả cho chị Thái 30.000.000đ (số tiền này anh Đông đưa cho anh Bách (con trai chị Thái) nhận và đưa về cho chị Thái; chị Sáng Quân đã trả 3.000.000đ cho chị Thái, anh Tuấn đã trả 50.00.000đ, anh Hoàng trả 20.000.000đ". Hiện tại còn nợ bà T số tiền cho anh Trung vay 10.000.000đ, tiền cho chị Sáng Quân vay 17.000.000đ và 5.000.000đ anh đang giữ, tổng cộng anh còn nợ bà T 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu anh Q cung cấp địa chỉ, họ tên và cung cấp tài liệu, chứng cứ của những người anh Q cho vay và trả cho bà T nhưng anh Q không cung cấp được. Căn cứ vào các qui định của pháp luật, thì việc khai nại của anh Q không có căn cứ, vì anh Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai nại của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q cung cấp một số tài liệu, nhưng các tài liệu đó không chứng minh được là bà T đã nhận được một số tiền để tính trừ cho anh Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q trình bày: Trong giấy vay tiền lập ngày 21/12/2015 (BL 11) anh Q có ghi tên một số người đã trả nợ và bà T chấp nhận cho anh ghi như vậy, chứng tỏ bà T đã được trả một số tiền. Nhưng xét đây là chữ viết của anh Q, bà T không thừa nhận đã được trả một số tiền như anh Q trình bày, anh Q cũng không có tài liệu nào về việc bà T đã nhận tiền trả nợ, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Anh Q còn trình bày: Một số người đã trả nợ cho anh Bách (con trai bà T), để anh Bách giao lại tiền cho mẹ. Nhưng anh Q thừa nhận: không có tài liệu, giấy tờ về việc anh Bách đã nhận tiền cho bà T, và cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bà T ủy quyền cho anh Bách nhận tiền thay cho mẹ. Mặc khác, bà T không thừa nhận anh Bách nhận tiền thay cho bà và giao lại cho bà. Do đó, lời nại của anh Q không có cơ sở để chấp nhận.

Anh Q và những người liên quan có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác hoặc tố cáo để cơ quan công an điều tra xử lý hành chính, hình sự, nếu có người vi phạm (về việc đã nhận tiền nhưng chiếm giữ trái phép hoặc chiếm đoạt).

Vì vậy, có cơ sở xác định: Số tiền nợ gốc anh Q còn nợ bà T là 132.000.000đ. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả mà chỉ thỏa thuận khi nào bà T cần thì báo trước cho anh Q một tháng. Tháng 2/2016, bà T cần tiền để lo tiền đi viện cho con trai bị tai nạn, nên đã hỏi anh Q số tiền cho vay, bà T đã đòi nhiều lần nhưng anh Q vẫn không trả. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc anh Nguyễn Đình Q trả cho bà T số tiền nợ gốc là 132.000.000đ là có căn cứ.

[2] Về tiền lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu anh Q trả tiền lãi suất từ ngày 21/12/2015 đến nay theo quy định của pháp luật.

Xét: Khi vay hai bên không thỏa thuận việc trả lãi suất, nhưng anh Q cũng đã thừa nhận để giúp đỡ bà T anh vay tiền của bà T để cho bà T được hưởng lãi suất nhưng khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng anh Q không trả.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà T và theo qui định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS, cần chấp nhận yêu cầu việc tính lãi suất đối với khoản tiền 132.000.000đ mà anh Q đã vay của bà T là có căn cứ.

Khi hai bên không thỏa thuận lãi suất, không có kỳ hạn trả nợ. Hai bên chỉ thỏa thuận với nhau khi nào bà T cần lấy lại tiền thì báo trước cho anh Q 01 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không nhớ rõ ngày nào bà T đòi nợ anh Q, chỉ nhớ khoảng tháng 6/2018 (được tính vào cuối tháng, tức ngày 30/6/2018) cộng 01 tháng do hai bên thỏa thuận. Như vậy, thời hạn để tính quá hạn là từ ngày 30/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (07/3/2019) là 7 tháng 7 ngày x 10%/năm x 132 triệu đồng = 7.922.000đ

Số tiền lãi suất anh Q phải trả cho bà T là 7.922.000đđ (bảy triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền anh Q phải trả cho bà T là 139.922.000đ, trong đó số tiền gốc 132.000.000đ, tiền lãi 7.922.000đđ là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của anh Q là có căn cứ, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Q, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

* Án phí dân sự sơ thẩm: Do có sự thay đổi về số tiền, nên cần tính toán lại cho đúng qui định của pháp luật.

*Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình Q kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đình Q, sửa bản án sơ thẩm.

[1] Căn cứ các Điều 274, 280, 463, 466, 469; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147

Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[2] Buộc anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 132.000.000đ (một trăm, ba mươi hai nghìn đồng) và số tiền lãi suất 7.922.000đ (bảy triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 139.922.000đđ (một trăm, ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Q được quyền khởi kiện vụ án khác để đòi lại số tiền những người anh cho vay đã trả cho bà T theo qui định của pháp luật, đối với người đã nhận tiền thay cho bà T.

[3] Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu 6.996.000đ (sáu triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

* Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Đình Q 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, anh Q đã nộp theo biên lại số 0005540 ngày 28/3/2019 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Anh Sơn
- THADS huyện Anh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

Nguyễn Đăng Phồn